

Số: 2685/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 27 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
Nhà liên hợp Công vụ- Ký túc xá, Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT- BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Văn bản số 2307/UBND- VX ngày 08/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đồng ý chủ trương xây dựng công trình Nhà liên hợp Công vụ- Ký túc xá, Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3601/SXD-HĐXD ngày 06/7/2017, kèm theo hồ sơ thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Nhà liên hợp Công vụ- Ký túc xá, Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Nhà liên hợp Công vụ- Ký túc xá, Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Nhà liên hợp Công vụ- Ký túc xá, Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa.

2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

3. Chủ đầu tư: Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa.

4. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa

5. Quy mô đầu tư:

a) *Giải pháp kiến trúc*: Công trình có quy mô 04 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 10,4x48,92m. Chiều cao công trình là 17,25m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền tầng 1 cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,75m. Tầng 1 cao 3,9m, mặt bằng bố trí các phòng chuyên môn vệ sinh khép kín; tầng 2 cao 3,6m, mặt bằng bố trí các phòng chức năng vệ sinh khép kín; tầng 3, 4 cao 3,6m, mặt bằng bố trí các phòng ký túc vệ sinh khép kín; giao thông đứng bằng thang bộ trong nhà và thang sắt thoát hiểm ngoài nhà, giao thông ngang bằng hành lang trước rộng 2,0m. Lối tiếp cận công trình bằng tam cấp sảnh chính trước nhà.

Nền, sàn các phòng chức năng lát gạch ceramic 400x400mm; nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 300x300mm; thang bộ, tam cấp ốp đá grannit. Tường xây gạch không nung, trát hoàn thiện, lăn sơn trực tiếp; riêng khu vệ sinh tường ốp gạch ceramic kích thước 300x300mm, trần thạch cao chịu nước. Mái lợp tôn trên hệ xà gồ thép hình, tường thu hồi; phân sàn sân lán lợp vỉa, chống thấm đảm bảo kỹ thuật. Hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng cửa nhựa lõi thép, kính dày 5mm, hoa sắt cửa sổ dùng sắt vuông 14x14mm.

b) *Giải pháp kết cấu*: Phần móng sử dụng giải pháp móng cọc BTCT mác 350# đúc sẵn, cọc vuông tiết diện 250x250mm, chiều dài cọc 32m (gồm 04 đoạn, mỗi đoạn 8,0m); đài, dầm, giằng móng BTCT đá 1x2 mác 250# đổ tại chỗ, tường móng xây gạch VXM mác 50#; móng thang sắt sử dụng móng băng BTCT mác 250# đổ tại chỗ. Phần thân sử dụng hệ khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 250# đổ tại chỗ; tiết diện dầm điển hình: 220x300mm, 220x400mm, 220x600mm và 220x700mm; tiết diện cột điển hình 220x300mm, 300x300mm và 220x500mm; sàn BTCT điển hình dày 100mm.

c) *Giải pháp cấp điện, chống sét*: Hệ thống điện được lấy từ nguồn hiện hữu của Trường, cấp đến tủ điện tổng của các tầng phân phối đến các thiết bị sử dụng điện, hệ thống dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống nhựa. Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng hệ thống kim thu sét, dây dẫn sét, hệ cọc tiếp địa, dây tiếp địa.

d) *Giải pháp cấp, thoát nước*: Nguồn nước cấp cho công trình được lấy từ nguồn nước hiện hữu của Trường, bơm trực tiếp lên téc nước đặt trên mái sau đó cấp xuống thiết bị dùng nước tại các khu vệ sinh. Ống cấp nước sử dụng các ống PPR; thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra hệ thống thoát nước hiện trạng ngoài nhà. Nước thải từ chậu rửa, lavabo, nước mưa trên mái được thu vào đường ống riêng và thải trực tiếp ra hệ thống thoát nước hiện trạng ngoài nhà. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC. Bể tự hoại: Tường bể xây gạch đặc vỉa XM mác 75#, trát láng vỉa

XM mác 75#; đáy bể đồ BTCT tại chỗ đá 1x2 mác 200#, nắp bể dùng tấm đan BTCT đúc sẵn.

đ) Giải pháp phòng cháy, chữa cháy: Hệ thống phòng cháy chữa cháy của công trình gồm: Hệ thống báo cháy, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn exit, hệ thống chữa cháy tại chỗ và hệ thống chữa cháy bằng nước được thiết kế đồng bộ với quy mô của công trình.

(Nội dung chi tiết theo hồ sơ thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của Sở Xây dựng kèm theo Tờ trình số 3601/SXD- HĐXD ngày 06/7/2017)

6. Tổng mức đầu tư: 14.759.321.000 đồng (Bằng chữ: *Mười bốn tỷ, bảy trăm, năm mươi chín triệu, ba trăm hai mươi một nghìn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 11.620.931.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 343.768.268 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT: 1.503.612.663 đồng;
- Chi phí khác: 655.440.597 đồng;
- Chi phí dự phòng: 635.568.864 đồng.

(Chi tiết tổng mức đầu tư có phụ lục kèm theo).

7. Nguồn vốn: Nguồn vốn tiết kiệm chi của Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa hằng năm.

8. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa (chủ đầu tư) căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

2. Các ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động giải quyết các công việc có liên quan đến ngành, đơn vị; đồng thời, có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp với chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

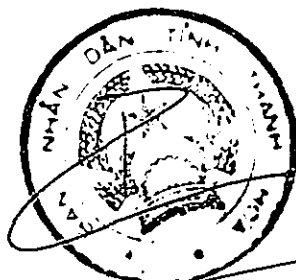
Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Hiệu trưởng Trường

Cao đẳng Y tế Thanh Hóa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó PCT UBND tỉnh Phạm Đăng Quyền;
- PCVP UBND tỉnh Phạm Đình Minh;
- Lưu:VT, VX.

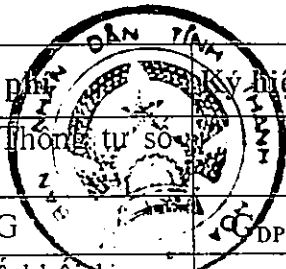
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

Bảng TÍNH TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Công trình: Nhà liên lạc Công vệ Kỹ túc xá, Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Khoản chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	G_{XD}	Dự toán chi tiết	11.620.931.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	G_{QLDA}	$(G_{XD})^{trước VAT} \times 3,254\%$	343.768.268
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD	G_{TV}	1+...+9	1.503.612.663
1	Chi phí khảo sát địa chất		Theo Quyết định số 152/QĐ-CDYT ngày 15/3/2017 của Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa	287.732.000
2	Chi phí thí nghiệm nén tĩnh thử tải cọc (3 điểm)		Tạm tính theo dự toán thiết kế	99.000.000
3	Chi phí kiểm định		Theo HD số 17/2017/HĐ-KĐXD ngày 10/2/2017	97.051.000
4	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật		$G_{XD}^{trước VAT} \times 3,933\%$	457.051.216
5	Chi phí thẩm tra thiết kế		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,256\%$	29.749.583
6	Chi phí thẩm tra dự toán		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,248\%$	28.819.909
7	Chi phí lập HSMT xây lắp và đánh giá HSDT xây lắp		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,427\%$	49.621.375
8	Chi phí giám sát thi công xây dựng		$G_{XD}^{trước VAT} \times 3,261\%$	378.958.560
9	Chi phí giám sát đánh giá dự án đầu tư		$20\% \times G_{qlda}$	75.629.019
IV	CHI PHÍ KHÁC	G_K	1+...+8	655.440.597
1	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (tạm tính)		Theo Văn bản số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013 của Bộ Xây dựng	10.000.000
2	Chi phí hạng mục chung		Diễn giải chi tiết	406.732.585
3	Lệ phí thẩm định BCKTKT		$TMĐT \times 0,019\%$	2.804.271
4	Chi phí thẩm định: HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,100\%$	10.564.483
5	Chi phí bảo hiểm công trình (Thông tư số 329/2016/TT-BTC)		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,080\%$	9.296.745
6	Chi phí thẩm duyệt PCCC (Thông tư số 258/2016/TT-BTC)		$TMĐT \times 0,00967\%$	1.427.226
7	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (TT09/2016/TT-BTC)		$50\% \times (TMĐT) \times 0,629\%$	46.418.065



TT	Khoản chi phí	Cách tính	Thành tiền
8	Chi phí kiểm toán (Thông tư số 09/2016/TT-BTC)	(TMDT) x 1,036%	168.197.222
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG		635.568.864
I	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	(I+II+III+IV)x4,5%	635.568.864
	Tổng cộng (làm tròn)		14.759.321.000